

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo hướng dẫn soạn Bài 33: Chương trình địa phương Ngữ Văn lớp 7 tập 2 VNEN được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

Hoạt động khởi động Bài 33: Chương trình địa phương

- 1. Tại sao nói: Tiếng Việt cần có sự phong phú, đa dạng, nhưng cũng cần có sự thống nhất?**
- 2. Nêu ra các lỗi chính tả trong cách viết phụ âm đầu, vần hoặc thanh điệu mà các em thường mắc phải. Theo em, tại sao các em lại mắc những lỗi như vậy?**

Trả lời:

1. Vì tiếng Việt là rất đa dạng không chỉ về ngôn ngữ mà cả phương diện của nó. Tuy đa dạng về ngôn từ nhưng mỗi ngôn ngữ đều phải có sự thống nhất giữa các ý các từ với nhau. Tạo thành câu, từ có nghĩa.

2.

- Sai các ngữ âm, chữ viết

Ví dụ:

+ Quân giặt => quân giặc.

+ tợu chung => tợu trung.

- Sử dụng từ địa phương:

+ Dưng mà => Nhưng mà

+ Bấu => bảo

- Sai từ ngữ:

Ví dụ: Anh ấy rất bàng quang về chuyện của tôi

=> Anh ấy rất bàng quan về chuyện của tôi.

- Sai ngữ pháp:

Ví dụ: Quyển sách này là quyển Mắt Biếc.

=> Quyển sách này là quyển Mắt Biếc mà mẹ tặng tôi ngày hôm qua.

Lí do: vì chúng ta chưa biết cách sử dụng đúng những yêu cầu của tiếng Việt và phát âm sai dẫn đến viết sai về ngữ pháp hoặc hiểu sai về nghĩa của từ.

Hoạt động luyện tập Bài 33: Chương trình địa phương

1. Viết các đoạn, bài chứa âm, vần dễ mắc lỗi

2. Làm bài tập chính tả

a) Điền x hay s vào chỗ trống:

...ử lí, ...ử dụng; giả ...ử, bỏ ...ung; ...ung phong.

b) Điền dấu hỏi, dấu ngã trên chữ in nghiêng : tiêu sử, tuần tiêu ; manh trắng, manh liệt ; dững manh, manh bom.

c) Điền vào chỗ trống : *chung hay trung*

... sức, ... thành, ... cuộc, tập ...

d) Tìm từ theo yêu cầu:

- Tìm các từ chứa tiếng có âm đầu là ch, tr
- Tìm từ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã.
- Tìm ba từ có tiếng mở đầu bằng phụ âm r, gi, d.
- Tìm hai từ có chứa vần ơn, ên.

e) Đặt câu:

- Đặt câu trong đó có hai tiếng mở đầu bằng phụ âm x, s.
- Đặt câu trong đó có hai tiếng chứa vần in, inh.
- Đặt câu trong đó có hai tiếng chứa vần an, ang.

Trả lời:

a. xử lí, sử dụng, giả sử, xét xử, bổ sung, xung phong.

b. tiểu sử, tuần tiễu, mảnh trắng, mảnh liệt, dũng mãnh, mảnh bom.

c. chung sức, trung thành, chung cuộc, tập trung.

d.

- Tìm các từ chứa tiếng có âm đầu là ch, tr: chung thủy, trân trọng, chiến đấu,...

- Tìm từ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã: tĩnh tâm, chủ trương, tư tưởng, bướng bỉnh, cố hữu.

- Tìm ba từ có tiếng mở đầu bằng phụ âm r, gi, d.: rẻ, rảnh rang, gia đình, dành dụm.

- Tìm hai từ có chứa vần ơn, ên: ơn nghĩa, lên xuống

e.

- Đặt câu trong đó có hai tiếng mở đầu bằng phụ âm x, s: **Sao** em không thấy màn trình diễn **xiếc** vừa rồi hay nhỉ?

- Đặt câu trong đó có hai tiếng chứa vần in, inh: Chiếc ảnh được **in** ra là hình ảnh một cô gái rất xinh.

- Đặt câu trong đó có hai tiếng chứa vần an, ang: **Lan** vừa **sang** nhà tôi chơi.

3. Lập sổ tay chính tả

Phân công các nhóm làm Sổ tay chính tả.

- Nhóm 1: Tìm các từ có tiếng mở đầu bằng: ch, tr; s, x; d, gi, r.
- Nhóm 2: tìm các từ có tiếng mở đầu bằng l, n; có thanh hỏi, thanh ngã dễ lẫn.
- Nhóm 3: tìm các từ có tiếng chứa vần in, inh, iên.
- Nhóm 4: tìm các từ có tiếng chứa vần on, ên; an, ang; at, ac.

Sau khi làm xong, các nhóm trao đổi với nhau để bổ sung, sửa chữa; tập hợp thành Sổ tay chính tả của lớp.

Trả lời:

Nhóm 1: Tìm các từ có tiếng mở đầu bằng: ch, tr ; s, x ; d, gi, r.

- ch: chào cờ, chung thủy, che chở, chí chèo, chích chòe, chúm chim, chong chóng, chính trực, chăm chỉ, chau chuốt, chang chang, chần chịt, chắc chắn,...
- tr: tre, trúc, trắng, trắng trời, trung trực, tròn trĩnh, tròn trịa, tròng trọt, trớ trêu, trơ trụi,...
- s: san sẻ, sung sức, son sắt, sột soạt, sốt sắng, suôn sẻ, sửa sang, sứt sùi, sừng sực, sừng sững, sừng sốt,...
- x: xao xuyến, xôn xao, xào xáo, xào xạt, xô xát, xa xăm, xa xỉ, xa xôi, xám xịt, xanh xao, xối xả, xem xét,...
- d: dào dạt, dịu dàng, dập dùi, dễ dàng, dõng dạc, du dương, dòn dập, dồi dào, dong dỏng,...
- gi: giành giật, giàn giụa, giặt giũ, giầu giếm, giục giã,...
- r: rung rinh, rỗng rỗng, rỗng rọc, rì rầm, riu rít, rõ rệt, rào rào, run run, rùng rợn, rùng rĩnh,...

Nhóm 2: tìm các từ có tiếng mở đầu bằng l, n; có thanh hỏi, thanh ngã dễ lẫn.

- l : lung linh, lấp lánh, lũng lảng, lung lay, len lỏi, luồn lách, lũng lầy, lảng lơ, lực lưỡng, lừa lọc,...

- n: na ná, nao núng, nảo nùng, nồn nà, náo nức, nài nỉ, năng nổ, nặng nề, nặng nặc, nâng niu, nề nếp, nét na, nề nang,...

Nhóm 3: tìm các từ có tiếng chứa vần in, inh, iên.

- in: đèn pin, xin xỏ, ăn xin, tin nhắn, tin báo, khin khít, máy in, tin tưởng, đáng tin, tay vịn,...

- inh: thông minh, xinh đẹp, bình rượu, máy tính, đình làng, binh lính, dính líu, cây đình, đỉnh núi, kính tế, mắt kính, kính trọng, hình vuông, linh tính, minh mẫn, rình rập, học sinh, que tính, lặng thinh, thánh giác, vinh dự, minh tinh, ...

- iên: miền quê, tiên tiên, phiên chợ, đồng tiền, tiền nông, chiêm cá, liên đới, miền man, chiến thắng,...

Nhóm 4 : tìm các từ có tiếng chứa vần on, ên; an, ang; at, ac.

- ang: trang trọng, cao sang, mệnh mang, sáng sủa, tình lang, khoai lang, tình lang, giàu sang,...

- on: hoa đơn, biết ơn, làm ơn,...

- ên: ốc sên, tên tuổi, bên trên, bề trên, hên xui,...

- at: cái quạt, hát hay, mát rượi, bao cát, chua chát,..

- ac: độc ác, chất phác, man mác, xác xơ, tan tác, lác đác,...